

NHỮNG ĐỘC ĐÁO CỦA NGÔN NGỮ TRONG MÀU THỜI GIAN

NGUYỄN MẠNH HÀ

(ThS, Ban tổ chức huyện uỷ Thạch Hà, Hà Tĩnh)

1. Để hiểu một tác phẩm, dù văn xuôi hay thơ, người đọc cũng phải nắm bắt ngữ cảnh của nó mà ngữ cảnh trực tiếp đầu tiên là quy tắc ngôn ngữ của văn bản. Trên tinh thần đó, chúng tôi tìm hiểu *Màu thời gian* của Đoàn Phú Tứ. Đây được xem là thi phẩm vượt thời gian, nó được khẳng định là một trong những “bài thơ tiêu biểu của thơ tượng trưng hiện đại Việt Nam”⁽¹⁾. Chủ nghĩa tượng trưng quan niệm: thơ là thứ siêu cảm giác, là thứ không phải để giải thích. Nhưng, mọi điều được nói ra dù sao cũng không thoát khỏi văn bản, tức ít nhất nó cũng phải tuân theo những quy tắc hành chức của ngôn ngữ. Bài thơ như sau:

*Sớm nay tiếng chim thanh
Trong gió thanh
Dịu vương hương ấm thoảng xuân tình
Ngàn xưa không lạnh nữa - Tân Phi!
Ta lặng dâng nàng
Trời mây phẳng phất nhuốm thời gian*

*Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngát
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh*

*Tóc mây một món chiếc dao vàng
Nghìn trùng e lệ phụng Quân Vương
Trăm năm tình cũ lia không hận
Thà nép mây hoa thiếp phụ chàng
Duyên trăm năm đứt đoạn
Tình một thuở còn hương
Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngát*

2. Xét về mặt ngôn ngữ, *Màu thời gian* có những điểm độc đáo sau:

Thứ nhất: Các dòng thơ hầu hết kết thúc ở âm tiết có thanh bằng (tỉ lệ 14/ 18 âm tiết). Và, nhìn một cách tổng thể, thanh bằng là thanh chủ đạo của bài thơ (bài thơ có 101 âm tiết thì có tới 75 âm tiết có thanh bằng).

Thứ hai: Các tính từ chỉ màu sắc, âm thanh đều gọi đến cái gì đó tươi sáng, nhẹ nhàng, bàng bạc giống như các từ cùng trường nghĩa: *thanh, xanh, ấm, (không) lạnh, tím ngát, (không) nồng, thanh thanh*.

Thứ ba: Những từ chỉ thời gian (ngoài “sớm nay”) chủ yếu là chỉ thời gian quá khứ (quá khứ xa): *ngàn xưa, trăm năm, một thuở* (thời gian ấy gắn với câu chuyện của Lý phu nhân, ở câu thứ tư, lúc gần mất không chịu cho vua Hán Võ để xem mặt, và câu chuyện của Dương Quý Phi, ở câu 11, bị Đường Minh hoàng giam biệt ở một nơi sau đó Dương Quý Phi cắt tóc gửi vào cho vua, nhà thơ gộp chung lại thành một câu chuyện có tính tượng trưng) Nhưng thời gian quá khứ ấy lại gọi nhắc, liên đới tới thời gian hiện tại nhờ sự kết hợp (phủ định ý nghĩa) trong nội bộ câu thơ: *không lạnh nữa, đứt đoạn, còn hương*.

Thứ tư: Tổ chức những câu thơ lặp, gồm lặp toàn phần và lặp lại cấu trúc: *Màu thời gian không xanh / Màu thời gian tím ngát / Hương thời gian không nồng / Hương thời gian thanh thanh / Hương thời gian thanh thanh / Màu thời gian tím ngát*. Bên cạnh đó còn có một số câu thơ đang đối với

nhau như những câu thơ biên ngẫu: *Tóc mây một món chiếc dao vàng / Nghìn trùng e lệ phụng Quân Vương / Trăm năm tình cũ lìa không hận / Thà nép mây hoa thiếp phụ chàng / Duyên trăm năm đứt đoạn / Tình một thuở còn hương.*

Những độc đáo nghệ thuật trên đây đã làm cho *Màu thời gian* ánh lên những vẻ đẹp của thơ tượng trưng. Dĩ nhiên không phải hề bài thơ nào có các đặc điểm trên đều thuộc thơ tượng trưng. Điều này chúng tôi sẽ bàn sau, ở đây chúng tôi chỉ xin nói đến trường hợp *Màu thời gian*.

Các nhà tượng trưng quan niệm thơ phải gắn chặt với âm nhạc. Bản thân chữ không chỉ có giá trị biểu đạt mà còn có sức ngân vang. Do đó chữ trở thành cơ sở của nhạc. Nhưng, sức ngân vang ấy chính chữ (từ) không thể thấu góm, không thể chứa đựng nổi, bởi ngân vang ấy là tiếng vọng từ bao la của tiếng gọi, tiếng động, rất đỗi tinh vi nhất trong cuộc đời (được kết tinh khá trọn vẹn trong âm nhạc). Thơ phải gắn với nhạc là vì vậy. Valéry phát biểu: “thơ là sự giao động giữa âm thanh và ý nghĩa”. Và trên thực tế, giữa âm nhạc và thơ ca (tách riêng hai mảng khác nhau) luôn có mối hoà kết kì lạ. Trong *Màu thời gian* tính nhạc trở thành một nét nổi bật. Với sự chủ đạo của thanh bằng (đặc điểm của thanh bằng là đường nét bằng phẳng, kéo dài), bài thơ gợi một sự lan toả, rộng mở. Những thanh bằng cuối câu tạo nên độ mở, những thanh bằng giữa dòng tạo những sự tác động lan toả có tính chất dây chuyền. Thanh bằng còn có sự kết hợp với một số thanh trắc tạo nên những điểm nhấn nghệ thuật. Rõ nhất là câu: *Duyên trăm năm đứt đoạn*, thanh sắc (*đứt*) có đường nét âm thanh đi thẳng, hướng dần lên trên, thanh nặng (*đoạn*) ngược lại, đường đi ngắn, đi xuống (có nét cong dần) tạo nên sự chia li đứt gãy và do đó nhạc điệu trở nên réo rắt.

Nhạc điệu của bài thơ còn được tạo nên bởi những câu thơ lặp, những câu thơ đăng đối với nhau. Trên thực tế những câu thơ lặp, những câu thơ đăng đối với nhau được đảm bảo nhờ nhịp ngắt. Nhịp là điểm cơ

bản để các câu thơ vận hành trong tương quan. Trong câu thơ tiếng Việt, nhịp là hình thức tiêu biểu thể hiện rõ nét tính nhạc. Khi nói về những câu thơ có hình thức đăng đối, Phan Ngọc cho rằng, nó làm cho nhịp điệu thơ chậm lại, đem lại cái đẹp nhịp nhàng⁽²⁾.

Những yếu tố ngôn ngữ tạo nhạc trong bài thơ trên kết hợp một cách nhuần nhuyễn với những từ chỉ màu sắc, âm thanh có tính chất nhẹ nhàng đã toát lên âm điệu chủ đạo của bài thơ, làm cho thơ có một âm hưởng lan toả, nhẹ nhàng, vừa mênh mang, giàu sức gợi, lại vừa réo rắt. Do đó không phải ngẫu nhiên, mới đây, bài thơ đã được nhạc sĩ Trọng Đài chọn cho một nhịp phách phù hợp - nhịp phách của ca trù, khi phổ nhạc.

Mĩ học tượng trưng quan niệm: giữa con người và vũ trụ có mối tương quan bí mật, đó là các mối tương quan ý niệm, tương quan cảm giác, tương quan không gian, màu sắc. Baudelaire đã phát biểu: “Mùi hương, màu sắc âm thanh tương giao cùng nhau”. ông viết trong bài *Tương ứng*: “Có những mùi hương mát như da thịt trẻ con, ngọt ngào như tiếng sáo, xanh mượt như cỏ non”⁽³⁾. Sự tương giao này trong văn học cổ phương Đông đã thể hiện những đó là tương giao giữa đại ngã và tiểu ngã, và mơ ước của con người là hoà cái tiểu ngã của mình vào cái đại ngã của vũ trụ, thiên nhiên, còn tượng trưng là sự tương giao qua trực giác, con người cảm nhận được mối quan hệ ấy bằng trực giác. Ta có thể thấy mối quan hệ này trong *Màu thời gian*. Bài thơ có những sự kết hợp kì lạ mà theo tư duy thông thường là phi logic ngữ nghĩa: tiếng chim *thanh*, gió *xanh*, hương *thời gian* thanh thanh, màu *thời gian* tím ngắt. Những tính từ chỉ màu sắc, âm thanh đóng vai trò làm bật nổi tính chất kết hợp, cho thấy sự tương hoà các giác quan. Bởi có sự tương hoà các giác quan nên con người có thể nghe được những điều tưởng chừng không nghe được, thấy được những điều tưởng chừng không thấy được. Theo Hoàng Ngọc Hiến đó là thi pháp “những mạch liên

tượng khó nắm bắt”⁽⁴⁾. Chính vì các nhà tượng trưng quan niệm như vậy nên hình ảnh thơ họ trở nên bí ẩn, mơ hồ. Hình tượng tượng trưng là hình tượng không thuần nhất, phải gọi đến cái gì đó ngoài bản thân nó, “là một câu đố đòi hỏi chúng ta đi tìm cái ý nghĩa nội tại đằng sau hình tượng”(Hegel)⁽⁵⁾. Ở *Màu thời gian* ngoài sự kết hợp các từ ngữ chỉ màu sắc, âm thanh còn có những hình ảnh ước lệ (thực chất của ước lệ là tính cách điệu): tóc mây, dao vàng, những từ xưng hô “thiếp” - “chàng” càng làm cho thơ mơ hồ hơn. Dĩ nhiên sự mơ hồ ấy còn được gọi lên từ bản thân tính nhạc.

Bài thơ *Màu thời gian*, thông qua những cách thể hiện độc đáo, đã cho thấy một quan niệm mới mẻ về thời gian - đối tượng đã được thơ cổ, thơ lãng mạn bàn tới. Nếu thời gian trong thơ cổ là thời gian tách khỏi con người, vô tình với con người, cứ bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, thời gian trong thơ lãng mạn là thời gian một đi không trở lại, cuốn đi những gì hiện hữu trước mắt (thời gian trở thành một thế lực huỷ diệt) thì ở đây - trong quan niệm tượng trưng - thời gian là thời gian nghiệm sinh, thời gian đã hoá thành cái nhìn nhận của chủ thể: thời gian không làm mọi vật biến mất mà là hình thức lưu giữ tình cảm con người. Tình người đã làm cho thời gian có hương, có sắc. Bên cạnh những tính từ chỉ tính chất thanh nhẹ là sự kết hợp thời gian xưa - nay (thời gian nay hiện về qua việc gọi nhắc thời gian xưa) tạo thành những cặp đối xứng xưa - nay, phủ định - khẳng định: mối tình Tần Phi đã đứt đoạn nhưng tình một thuở còn hương, nghĩa là đã làm cho thời gian không còn lạnh nữa, mà thanh thanh, tím ngát. Đó là sự kết đọng, sự thoát hoá cho một vĩa tang của tồn tại vĩnh cửu mà chủ nghĩa tượng trưng hướng đến. Chủ nghĩa tượng trưng cho rằng, thế giới hữu hình chỉ là hình ảnh của thế giới vô hình. Đó là bản thể của tồn tại. Vì thế, muốn đến được thế giới ấy, nhà thơ phải

bằng cảm nhận trực giác chứ không phải miêu tả trực cảm như các nhà lãng mạn. Nhưng cũng từ đây nảy sinh tính hai mặt, bởi khi các nhà tượng trưng đi sâu khai thác con đường này thì thơ họ càng trở nên bí hiểm, xa rời thực tế. Và, nhìn trong quá trình vận động không ngừng của văn học thì thơ tượng trưng đã khép lại ở một giai đoạn của lịch sử.

3. Đoàn Phú Tứ là một trong những tên tuổi quan trọng của Xuân Thu Nhã Tập - nhóm tác giả trình làng thơ vào năm 1942, với tâm huyết đổi mới cách tân thơ, đòi hỏi thơ phải có những cách biểu đạt mới, chú trọng tới nghệ thuật thể hiện. Ở bài thơ *Màu thời gian* này, bằng những thể nghiệm tinh tế, có thể nói tác giả đã chạm đến cái “rung động siêu việt, trong trẻo và nhẹ nhàng”, đã làm cho thơ bước vào “nẻo đạo” của nhóm Xuân Thu. Và cũng từ đây chúng ta thấy, Thơ mới là một quá trình phát triển không ngừng trong tinh thần tiếp biến với văn học phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp. Nó mở đầu với phát súng lệnh của Phan Khôi (*Tình già*), chối bỏ cái cổ kính của thơ Đường để chìm vào cái say sưa của lãng mạn (Thế Lữ, Xuân Diệu), rồi phủ định cái tôi tự thị (lãng mạn) để đi vào hình thức bí ẩn của tượng trưng và cuối cùng khép lại ở cái ám ảnh của lập hình siêu thực.

Thư mục tham khảo và trích dẫn

1. Trần Đình Sử, *Tuyển tập* (tập hai), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.473.
2. Dẫn theo Lê Lưu Oanh, *Văn học và các loại hình nghệ thuật*, Nxb ĐHSP, HN, tr.260.
3. Mai Bá Ấm, *Bích Khê và chủ nghĩa tượng trưng*, www.BichKhe.org.htm.
4. Hoàng Ngọc Hiến, *Baudelaire chủ nghĩa tượng trưng và thơ mới*, www.thotahinhthuc.org.
5. Dẫn theo Trần Đình Sử, Sdd, tr.456.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-06-2009)